

PHỤ LỤC V
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG THỰC HIỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KON TUM
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 596 /QĐ-UBND ngày 13 tháng 10 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

PHẦN I: DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ (Thực hiện theo căn cứ pháp lý văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương): 28 TTHC

| STT | Tên thủ tục hành chính | Lĩnh vực | Căn cứ pháp lý | Cơ quan thực hiện |
|-----|---|----------|---|---|
| 1. | Thẩm định, phê duyệt quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện. | Đất đai | - Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. - Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. - Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai. | - Đơn vị thực hiện TTHC: Sở TN&MT, các Sở, ban, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện; - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh |
| 2. | Thẩm định, phê duyệt kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện. | Đất đai | - Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. - Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. - Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai. | - Đơn vị thực hiện TTHC: Sở TN&MT, các Sở, ban, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện; - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh |

| | | | | |
|----|---|-----------------|---------------------------------------|---|
| 3. | Xây dựng các chương trình nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ phục vụ quản lý, bảo vệ, điều hòa, phân phối, phục hồi, phát triển, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra. | Tài nguyên nước | Khoản 2 Điều 6 Luật Tài nguyên nước. | <ul style="list-style-type: none"> - Đơn vị thực hiện TTHC: Sở TN&MT; - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh |
| 4. | Xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện điều tra cơ bản tài nguyên nước trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý. | Tài nguyên nước | Khoản 4 Điều 10 Luật Tài nguyên nước. | <ul style="list-style-type: none"> - Đơn vị thực hiện TTHC: Sở TN&MT; - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh |
| 5. | Lập, công bố, điều chỉnh danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ nguồn nước; phê duyệt, điều chỉnh phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước, kế hoạch, phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước. | Tài nguyên nước | Khoản 3 Điều 23 Luật Tài nguyên nước. | <ul style="list-style-type: none"> - Đơn vị thực hiện TTHC: Sở TN&MT; - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh |
| 6. | Quyết định công bố dòng chảy tối thiểu trên sông, suối nội tỉnh. | Tài nguyên nước | Khoản 7 Điều 24 Luật Tài nguyên nước. | <ul style="list-style-type: none"> - Đơn vị thực hiện TTHC: Sở TN&MT; - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh |
| 7. | Ban hành kế hoạch bảo vệ nước dưới đất. | Tài nguyên nước | Khoản 7 Điều 31 Luật Tài nguyên nước. | <ul style="list-style-type: none"> - Đơn vị thực hiện TTHC: Sở TN&MT; - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh |

| | | | | |
|-----|---|-----------------|--|--|
| 8. | Công bố, điều chỉnh danh mục vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất | Tài nguyên nước | Khoản 4 Điều 31 Luật Tài nguyên nước. | - Đơn vị thực hiện TTHC: Sở TN&MT; - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh |
| 9. | Quyết định đưa ra khỏi danh mục vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất khi nguồn nước dưới đất đã phục hồi. | Tài nguyên nước | Khoản 4 Điều 31 Luật Tài nguyên nước. | - Đơn vị thực hiện TTHC: Sở TN&MT; - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh |
| 10. | Lập kế hoạch khai thác, sử dụng tài nguyên nước phù hợp với kịch bản nguồn nước. | Tài nguyên nước | Khoản 6 Điều 35 Luật Tài nguyên nước. | - Đơn vị thực hiện TTHC: Sở TN&MT; - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh |
| 11. | Lập danh mục các đập, hồ chứa trên sông, suối thuộc địa bàn quản lý phải xây dựng quy chế phối hợp vận hành. | Tài nguyên nước | Khoản 9 Điều 38 Luật Tài nguyên nước. | - Đơn vị thực hiện TTHC: Sở TN&MT; - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh |
| 12. | Lập danh mục các cụm công nghiệp không có hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải tập trung trên địa bàn. | Môi trường | Khoản 5 Điều 52 Luật Bảo vệ môi trường. | - Đơn vị thực hiện TTHC: Đơn vị quản lý cụm công nghiệp - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND các huyện, thành phố |
| 13. | Phê duyệt kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí cấp tỉnh. | Môi trường | Điều 9 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. | - Đơn vị thực hiện TTHC: Sở TN&MT; - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh |

| | | | | |
|-----|---|------------|---|--|
| 14. | Phê duyệt đề án chi trả dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên cấp tỉnh. | Môi trường | - Điểm b, c, d khoản 2 Điều 138 Luật Bảo vệ môi trường; - Điều 124 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. | - Đơn vị thực hiện TTHC: Sở TN&MT; - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh |
| 15. | Phê duyệt kế hoạch hành động thực hiện kinh tế tuần hoàn cấp tỉnh. | Môi trường | Khoản 3 Điều 139 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. | - Đơn vị thực hiện TTHC: Sở TN&MT; - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh |
| 16. | Phê duyệt phương án bảo vệ môi trường cho làng nghề do UBND cấp xã trên địa bàn trình. | Môi trường | - Điểm a khoản 4 Điều 56 Luật Bảo vệ môi trường; - Khoản 2 Điều 33 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. | - Đơn vị thực hiện TTHC: UBND cấp xã; - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND các huyện, thành phố |
| 17. | Xây dựng phương án xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường đối với khu vực ô nhiễm môi trường đất do lịch sử để lại hoặc không xác định được tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm trên địa bàn. | Môi trường | Khoản 1 Điều 14 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. | - Đơn vị thực hiện TTHC: Sở TN&MT; - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh |
| 18. | Ban hành quyết định về xác định vị trí, ranh giới của vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải trên địa bàn quản lý. | Môi trường | Khoản 3 Điều 23 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. | - Đơn vị thực hiện TTHC: Sở TN&MT; - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh |
| 19. | Phê duyệt kế hoạch chuyển đổi ngành nghề không khuyến khích phát triển tại | Môi trường | Khoản 5 Điều 35 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều | - Đơn vị thực hiện TTHC: UBND các huyện, thành phố; - Cơ quan có thẩm |

| | | | | |
|-----|--|------------|---|--|
| | làng nghề, di dời cơ sở, hộ gia đình sản xuất ra khỏi làng nghề. | | của Luật Bảo vệ môi trường. | quyền quyết định: UBND tỉnh |
| 20. | Trình ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch chuyển đổi, loại bỏ phương tiện giao thông sử dụng nhiên liệu hóa thạch, phương tiện giao thông gây ô nhiễm môi trường sau khi được ban hành. | Môi trường | Khoản 3 Điều 75 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. | - Đơn vị thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải; Sở Tài nguyên và Môi trường - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh |
| 21. | Lập dự toán chi ngân sách hỗ trợ để nâng cấp, cải tạo các hạng mục công trình cho địa phương nơi có khoáng sản được khai thác. | Khoáng sản | Khoản 1 Điều 15 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản. | - Đơn vị thực hiện TTHC: UBND các huyện, thành phố; - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh |
| 22. | Phê duyệt Phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn địa phương. | Khoáng sản | Điểm a khoản 1 Điều 17 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản. | - Đơn vị thực hiện TTHC: Sở TN&MT - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh |
| 23. | Ban hành quyết định về xác định vị trí, ranh giới của vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải trên địa bàn quản lý đã được xác định trong quy hoạch tỉnh trong kỳ quy hoạch. | Môi trường | Khoản 3 Điều 23 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. | - Đơn vị thực hiện TTHC: UBND các huyện, thành phố; - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh |
| 24. | Lộ trình thực hiện chuyển đổi loại hình sản xuất, kinh | Môi trường | Điểm b khoản 5 Điều 23 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính | - Đơn vị thực hiện TTHC: UBND các huyện, thành phố; |

| | | | | |
|-----|--|----------------|--|--|
| | doanh, dịch vụ, đổi mới công nghệ, thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường khác đối với cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đang hoạt động trong vùng bảo vệ nghiêm ngặt và vùng hạn chế phát thải đã được xác định trên địa bàn quản lý. | | phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. | - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh |
| 25. | Di dời, phá dỡ mốc đo đạc. | Đo đạc, bản đồ | - Khoản 4,5,6 Điều 17 Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ; - Nghị định số 136/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2019/NĐ-CP. | - Đơn vị thực hiện TTHC: Sở tài nguyên và Môi trường; - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh |
| 26. | Lưu trữ thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ. | Đo đạc, bản đồ | - Điều 18 Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ; - Nghị định số 136/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2019/NĐ-CP. | - Đơn vị thực hiện TTHC: Văn phòng đăng ký đất đai - Sở Tài nguyên và Môi trường; Các đơn vị tổ chức liên quan đến hoạt động đo đạc bản đồ |
| 27. | Tiêu huỷ thông tin, dữ liệu và sản phẩm đo đạc và bản đồ. | Đo đạc, bản đồ | - Điều 19 Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ; - Nghị định số 136/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định | - Đơn vị thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Nội vụ - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh |

| | | | | |
|-----|---|----------|---|---|
| | | | số 27/2019/NĐ-CP. | |
| 28. | Phê duyệt kế hoạch điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường. | Tổng hợp | Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14/6/2017 của Chính phủ về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường. | - Đơn vị thực hiện TTHC: Sở TN&MT; - Cơ quan phối hợp: Các Sở ban ngành; UBND các huyện thành phố - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh |

PHẦN II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ (Thực hiện theo văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương và của tỉnh): 06 TTHC

A. DANH MỤC TTHC NỘI BỘ CẤP TỈNH: 06 TTHC

| STT | Tên thủ tục hành chính | Lĩnh vực | Căn cứ pháp lý | Cơ quan thực hiện |
|-----|---|-----------|--|-------------------|
| 1 | Xét thăng hạng địa chính viên hạng III. | Viên chức | - Luật Viên chức; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức; - Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; - Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP; - Thông tư liên tịch số 52/2015/TTLT-BTNMT-BNV ngày 08/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành địa chính; - Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT ngày 24/10/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của | Sở TN&MT |

| | | | | |
|---|---|-----------|---|----------|
| | | | <p>Thông tư liên tịch số 52/2015/TTLT-BTNMT-BNV.</p> <p>- Quyết định số 34/2024/QĐ-UBND ngày 09 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum, về việc ban hành Quy định phân cấp quản lý tổ chức bộ máy và cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Kon Tum</p> | |
| 2 | Xét thăng hạng chính viên địa chính viên hạng II. | Viên chức | <p>- Luật Viên chức; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức;</p> <p>- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;</p> <p>- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP;</p> <p>- Thông tư liên tịch số 52/2015/TTLT-BTNMT-BNV ngày 08/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành địa chính;</p> <p>- Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT ngày 24/10/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 52/2015/TTLT-BTNMT-BNV.</p> <p>- Thông tư số 06/2024/TT-BTNMT ngày 28/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức các chuyên ngành tài nguyên và môi trường.</p> <p>- Quyết định số 34/2024/QĐ-UBND ngày 09 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum, về việc ban hành Quy định phân cấp quản lý tổ chức bộ máy và cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Kon Tum</p> | Sở TN&MT |
| 3 | Xét thăng hạng Quan | Viên chức | <p>- Luật Viên chức; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật</p> | Sở TN&MT |

| | | | | |
|---|--|-----------|---|----------|
| | trắc viên tài nguyên môi trường hạng III. | | <p>Viên chức;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; - Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP; - Thông tư liên tịch số 52/2015/TTLT-BTNMT-BNV ngày 08/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành địa chính; - Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT ngày 24/10/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 52/2015/TTLT-BTNMT-BNV. - Quyết định số 34/2024/QĐ-UBND ngày 09 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum, về việc ban hành Quy định phân cấp quản lý tổ chức bộ máy và cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Kon Tum | |
| 4 | Xét thăng hạng Quan trắc viên tài nguyên môi trường hạng II. | Viên chức | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Viên chức; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức; - Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; - Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP; - Thông tư liên tịch số 52/2015/TTLT-BTNMT-BNV ngày 08/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành địa chính; - Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT ngày 24/10/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của | Sở TN&MT |

| | | | | |
|---|---|-----------|--|----------|
| | | | <p>Thông tư liên tịch số 52/2015/TTLT-BTNMT-BNV.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 06/2024/TT-BTNMT ngày 28/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức các chuyên ngành tài nguyên và môi trường. - Quyết định số 34/2024/QĐ-UBND ngày 09 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum, về việc ban hành Quy định phân cấp quản lý tổ chức bộ máy và cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Kon Tum | |
| 5 | Xét thăng hạng Đo đạc bản đồ viên hạng III. | Viên chức | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Viên chức; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức; - Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; - Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP; - Thông tư liên tịch số 52/2015/TTLT-BTNMT-BNV ngày 08/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành địa chính; - Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT ngày 24/10/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 52/2015/TTLT-BTNMT-BNV. - Quyết định số 34/2024/QĐ-UBND ngày 09 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum, về việc ban hành Quy định phân cấp quản lý tổ chức bộ máy và cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Kon Tum | Sở TN&MT |
| 6 | Xét thăng hạng Đo đạc | Viên chức | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Viên chức; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật | Sở TN&MT |

| | | | |
|----------------------|--|---|--|
| bản đồ viên hạng II. | | <p>Viên chức;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; - Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP; - Thông tư liên tịch số 52/2015/TTLT-BTNMT-BNV ngày 08/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành địa chính; - Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT ngày 24/10/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 52/2015/TTLT-BTNMT-BNV. - Thông tư số 06/2024/TT-BTNMT ngày 28/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức các chuyên ngành tài nguyên và môi trường. - Quyết định số 34/2024/QĐ-UBND ngày 09 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum, về việc ban hành Quy định phân cấp quản lý tổ chức bộ máy và cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Kon Tum | |
|----------------------|--|---|--|

B: NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ

1. Thủ tục xét thăng hạng địa chính viên hạng III.

a) Trình tự thực hiện:

1. Trình tự thực hiện

Bước 1. Đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường lập danh sách và hồ sơ viên chức có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện gửi đến Sở Tài nguyên và Môi trường kèm theo báo cáo danh mục vị trí việc làm và cơ cấu chức danh nghề nghiệp đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; báo cáo thực trạng chất lượng đội ngũ viên chức hiện có của đơn vị.

Bước 2. Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp đề nghị của các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở, xây dựng Đề án xét thăng hạng, xin chủ trương Ủy ban nhân dân tỉnh về chỉ tiêu thăng hạng.

Bước 3. Nội dung, hình thức xét thăng hạng

- Nội dung: Đánh giá việc đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP đối với viên chức dự xét thăng hạng (*được sửa đổi bởi Khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP*).

- Hình thức: Thẩm định hồ sơ

Bước 4. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường thành lập Hội đồng xét thăng hạng và tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp

Bước 5. Xác định viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng

- Giám đốc Sở công nhận kết quả trúng tuyển kỳ xét thăng hạng đối với Viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng.

Bước 6. Bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được danh sách viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường ra quyết định bổ nhiệm và xếp lương ở chức danh nghề nghiệp mới đối với viên chức trúng tuyển theo quy định.

b) Cách thức thực hiện:

Nộp trực tiếp tại Sở Tài nguyên và Môi trường.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

Hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp bao gồm:

- Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;

- Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định;

- Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

Trường hợp yêu cầu về ngoại ngữ ở hạng chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng không có sự thay đổi so với yêu cầu ở hạng chức danh nghề nghiệp đang giữ thì không phải nộp chứng chỉ ngoại ngữ.

Trường hợp có một trong các văn bằng, chứng chỉ quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định này thì được sử dụng thay thế chứng chỉ ngoại ngữ.

- Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

d) Thời gian giải quyết:

- Thời hạn nhận Phiếu đăng ký dự tuyển là 30 ngày kể từ ngày thông báo tuyển dụng công khai trên phương tiện thông tin đại chúng, trên Trang thông tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường

- Thành lập Ban kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển do Chủ tịch Hội đồng tuyển dụng quyết định chậm nhất sau 05 ngày làm việc kể từ ngày thành lập Hội đồng tuyển dụng.

- Trường hợp người dự tuyển không đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn dự tuyển thì chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển, Hội đồng tuyển dụng có trách nhiệm gửi thông báo bằng văn bản tới người đăng ký dự tuyển được biết theo địa chỉ mà người dự tuyển đã đăng ký.

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được danh sách viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường ra quyết định bổ nhiệm và xếp lương ở chức danh nghề nghiệp mới đối với viên chức trúng tuyển theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Viên chức trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường quản lý.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

Sở Tài nguyên và Môi trường.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Quyết định hành chính.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có):

Mẫu số 05, 06 ban hành kèm theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

Viên chức được đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp khi đảm bảo đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

- Đơn vị sự nghiệp công lập có nhu cầu;
- Hoàn thành tốt nhiệm vụ trong thời gian công tác 03 năm liên tục gần nhất; có phẩm chất và đạo đức nghề nghiệp; không trong thời gian thi hành kỷ luật hoặc đã có thông báo về việc xem xét kỷ luật của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền;

- Có đủ trình độ đào tạo, bồi dưỡng và năng lực chuyên môn nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp ở hạng cao hơn hạng hiện giữ trong cùng ngành, lĩnh vực;

- Đáp ứng các yêu cầu khác của chức danh nghề nghiệp do Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

- Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức.

- Quyết định số 34/2024/QĐ-UBND ngày 09 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum, về việc ban hành Quy định phân cấp quản lý tổ chức bộ máy và cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Kon Tum

2. Thủ tục xét thăng hạng Địa chính viên hạng II

a) Trình tự thực hiện:

1. Trình tự thực hiện

Bước 1. Đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường lập danh sách và hồ sơ viên chức có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện gửi đến Sở Tài nguyên và Môi trường kèm theo báo cáo danh mục vị trí việc làm và cơ cấu chức danh nghề nghiệp đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; báo cáo thực trạng chất lượng đội ngũ viên chức hiện có của đơn vị.

Bước 2. Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp đề nghị của các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở, xây dựng Đề án xét thăng hạng, xin chủ trương Ủy ban nhân dân tỉnh về chỉ tiêu thăng hạng.

Bước 3. Nội dung, hình thức xét thăng hạng

- Nội dung: Đánh giá việc đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP đối với viên chức dự xét thăng hạng (*được sửa đổi bởi Khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP*).

- Hình thức: Thẩm định hồ sơ

Bước 4. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường thành lập Hội đồng xét thăng hạng và tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp

Bước 5. Xác định viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng

- Giám đốc Sở công nhận kết quả trúng tuyển kỳ xét thăng hạng đối với Viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng.

Bước 6. Bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được danh sách viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường ra quyết định bổ nhiệm và xếp lương ở chức danh nghề nghiệp mới đối với viên chức trúng tuyển theo quy định.

b) Cách thức thực hiện:

Nộp trực tiếp tại Sở Tài nguyên và Môi trường.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

Hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp bao gồm:

- Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;

- Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định;

- Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

Trường hợp yêu cầu về ngoại ngữ ở hạng chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng không có sự thay đổi so với yêu cầu ở hạng chức danh nghề nghiệp đang giữ thì không phải nộp chứng chỉ ngoại ngữ.

Trường hợp có một trong các văn bằng, chứng chỉ quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định này thì được sử dụng thay thế chứng chỉ ngoại ngữ.

- Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

d) Thời gian giải quyết:

- Thời hạn nhận Phiếu đăng ký dự tuyển là 30 ngày kể từ ngày thông báo tuyển dụng công khai trên phương tiện thông tin đại chúng, trên Trang thông tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường

- Thành lập Ban kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển do Chủ tịch Hội đồng tuyển dụng quyết định chậm nhất sau 05 ngày làm việc kể từ ngày thành lập Hội đồng tuyển dụng.

- Trường hợp người dự tuyển không đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn dự tuyển thì chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển, Hội đồng tuyển dụng có trách nhiệm gửi thông báo bằng văn bản tới người đăng ký dự tuyển được biết theo địa chỉ mà người dự tuyển đã đăng ký.

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được danh sách viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường ra quyết định bổ nhiệm và xếp lương ở chức danh nghề nghiệp mới đối với viên chức trúng tuyển theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Viên chức trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường quản lý.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

Sở Tài nguyên và Môi trường.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Quyết định hành chính.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có):

Mẫu số 05, 06 ban hành kèm theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

Viên chức được đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp khi đảm bảo đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

- Đơn vị sự nghiệp công lập có nhu cầu;

- Hoàn thành tốt nhiệm vụ trong thời gian công tác 03 năm liên tục gần nhất; có phẩm chất và đạo đức nghề nghiệp; không trong thời gian thi hành kỷ luật hoặc đã có thông báo về việc xem xét kỷ luật của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền;

- Có đủ trình độ đào tạo, bồi dưỡng và năng lực chuyên môn nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp ở hạng cao hơn hạng hiện giữ trong cùng ngành, lĩnh vực;

- Đáp ứng các yêu cầu khác của chức danh nghề nghiệp do Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định.

I) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

- Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức.

- Thông tư số 06/2024/TT-BTNMT ngày 28/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức các chuyên ngành tài nguyên và môi trường.

- Quyết định số 34/2024/QĐ-UBND ngày 09 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum, về việc ban hành Quy định phân cấp quản lý tổ chức bộ máy và cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Kon Tum

3. Thủ tục xét thăng hạng Quan trắc viên tài nguyên môi trường hạng III.

a) Trình tự thực hiện:

1. Trình tự thực hiện

Bước 1. Đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường lập danh sách và hồ sơ viên chức có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện gửi đến Sở Tài nguyên và Môi trường kèm theo báo cáo danh mục vị trí việc làm và cơ cấu chức danh nghề nghiệp đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; báo cáo thực trạng chất lượng đội ngũ viên chức hiện có của đơn vị.

Bước 2. Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp đề nghị của các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở, xây dựng Đề án xét thăng hạng, xin chủ trương Ủy ban nhân dân tỉnh về chỉ tiêu thăng hạng.

Bước 3. Nội dung, hình thức xét thăng hạng

- Nội dung: Đánh giá việc đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP đối với viên chức dự xét thăng hạng (*được sửa đổi bởi Khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP*).

- Hình thức: Thẩm định hồ sơ

Bước 4. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường thành lập Hội đồng xét thăng hạng và tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp

Bước 5. Xác định viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng

- Giám đốc Sở công nhận kết quả trúng tuyển kỳ xét thăng hạng đối với Viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng.

Bước 6. Bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được danh sách viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường ra quyết định bổ nhiệm và xếp lương ở chức danh nghề nghiệp mới đối với viên chức trúng tuyển theo quy định.

b) Cách thức thực hiện:

Nộp trực tiếp tại Sở Tài nguyên và Môi trường.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

Hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp bao gồm:

- Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;

- Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định;

- Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

Trường hợp yêu cầu về ngoại ngữ ở hạng chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng không có sự thay đổi so với yêu cầu ở hạng chức danh nghề nghiệp đang giữ thì không phải nộp chứng chỉ ngoại ngữ.

Trường hợp có một trong các văn bằng, chứng chỉ quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định này thì được sử dụng thay thế chứng chỉ ngoại ngữ.

- Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

d) Thời gian giải quyết:

- Thời hạn nhận Phiếu đăng ký dự tuyển là 30 ngày kể từ ngày thông báo tuyển dụng công khai trên phương tiện thông tin đại chúng, trên Trang thông tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường

- Thành lập Ban kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển do Chủ tịch Hội đồng tuyển dụng quyết định chậm nhất sau 05 ngày làm việc kể từ ngày thành lập Hội đồng tuyển dụng.

- Trường hợp người dự tuyển không đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn dự tuyển thì chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển, Hội đồng tuyển dụng có trách nhiệm gửi thông báo bằng văn bản tới người đăng ký dự tuyển được biết theo địa chỉ mà người dự tuyển đã đăng ký.

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được danh sách viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường ra quyết định bổ nhiệm và xếp lương ở chức danh nghề nghiệp mới đối với viên chức trúng tuyển theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Viên chức trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường quản lý.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

Sở Tài nguyên và Môi trường.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Quyết định hành chính.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có):

Mẫu số 05, 06 ban hành kèm theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

Viên chức được đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp khi đảm bảo đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

- Đơn vị sự nghiệp công lập có nhu cầu;
- Hoàn thành tốt nhiệm vụ trong thời gian công tác 03 năm liên tục gần nhất; có phẩm chất và đạo đức nghề nghiệp; không trong thời gian thi hành kỷ luật hoặc đã có thông báo về việc xem xét kỷ luật của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền;
- Có đủ trình độ đào tạo, bồi dưỡng và năng lực chuyên môn nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp ở hạng cao hơn hạng hiện giữ trong cùng ngành, lĩnh vực;
- Đáp ứng các yêu cầu khác của chức danh nghề nghiệp do Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.
- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.
- Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức.
- Quyết định số 34/2024/QĐ-UBND ngày 09 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum, về việc ban hành Quy định phân cấp quản lý tổ chức bộ máy và cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

4. Thủ tục xét thăng hạng Quan trắc viên tài nguyên môi trường hạng

II.

a) Trình tự thực hiện:

1. Trình tự thực hiện

Bước 1. Đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường lập danh sách và hồ sơ viên chức có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện gửi đến Sở Tài nguyên và Môi trường kèm theo báo cáo danh mục vị trí việc làm và cơ cấu chức danh nghề nghiệp đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; báo cáo thực trạng chất lượng đội ngũ viên chức hiện có của đơn vị.

Bước 2. Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp đề nghị của các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở, xây dựng Đề án xét thăng hạng, xin chủ trương Ủy ban nhân dân tỉnh về chỉ tiêu thăng hạng.

Bước 3. Nội dung, hình thức xét thăng hạng

- Nội dung: Đánh giá việc đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP đối với viên chức dự xét thăng hạng (*được sửa đổi bởi Khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP*).

- Hình thức: Thẩm định hồ sơ

Bước 4. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường thành lập Hội đồng xét thăng hạng và tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp

Bước 5. Xác định viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng

- Giám đốc Sở công nhận kết quả trúng tuyển kỳ xét thăng hạng đối với Viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng.

Bước 6. Bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được danh sách viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường ra quyết định bổ nhiệm và xếp lương ở chức danh nghề nghiệp mới đối với viên chức trúng tuyển theo quy định.

b) Cách thức thực hiện:

Nộp trực tiếp tại Sở Tài nguyên và Môi trường.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

Hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp bao gồm:

- Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;

- Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định;

- Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

Trường hợp yêu cầu về ngoại ngữ ở hạng chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng không có sự thay đổi so với yêu cầu ở hạng chức danh nghề nghiệp đang giữ thì không phải nộp chứng chỉ ngoại ngữ.

Trường hợp có một trong các văn bằng, chứng chỉ quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định này thì được sử dụng thay thế chứng chỉ ngoại ngữ.

- Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

d) Thời gian giải quyết:

- Thời hạn nhận Phiếu đăng ký dự tuyển là 30 ngày kể từ ngày thông báo tuyển dụng công khai trên phương tiện thông tin đại chúng, trên Trang thông tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường

- Thành lập Ban kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển do Chủ tịch Hội đồng tuyển dụng quyết định chậm nhất sau 05 ngày làm việc kể từ ngày thành lập Hội đồng tuyển dụng.

- Trường hợp người dự tuyển không đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn dự tuyển thì chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển, Hội đồng tuyển dụng có trách nhiệm gửi thông báo bằng văn bản tới người đăng ký dự tuyển được biết theo địa chỉ mà người dự tuyển đã đăng ký.

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được danh sách viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường ra quyết định bổ nhiệm và xếp lương ở chức danh nghề nghiệp mới đối với viên chức trúng tuyển theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Viên chức trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường quản lý.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

Sở Tài nguyên và Môi trường.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Quyết định hành chính.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có):

Mẫu số 05, 06 ban hành kèm theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

Viên chức được đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp khi đảm bảo đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

- Đơn vị sự nghiệp công lập có nhu cầu;

- Hoàn thành tốt nhiệm vụ trong thời gian công tác 03 năm liên tục gần nhất; có phẩm chất và đạo đức nghề nghiệp; không trong thời gian thi hành kỷ luật hoặc đã có thông báo về việc xem xét kỷ luật của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền;

- Có đủ trình độ đào tạo, bồi dưỡng và năng lực chuyên môn nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp ở hạng cao hơn hạng hiện giữ trong cùng ngành, lĩnh vực;

- Đáp ứng các yêu cầu khác của chức danh nghề nghiệp do Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

- Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức.

- Thông tư số 06/2024/TT-BTNMT ngày 28/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức các chuyên ngành tài nguyên và môi trường.

- Quyết định số 34/2024/QĐ-UBND ngày 09 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum, về việc ban hành Quy định phân cấp quản lý tổ chức bộ máy và cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

5. Thủ tục xét thăng hạng Do đặc bản đồ viên hạng III.

a) Trình tự thực hiện:

1. Trình tự thực hiện

Bước 1. Đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường lập danh sách và hồ sơ viên chức có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện gửi đến Sở Tài nguyên và Môi trường kèm theo báo cáo danh mục vị trí việc làm và cơ cấu chức danh nghề nghiệp đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; báo cáo thực trạng chất lượng đội ngũ viên chức hiện có của đơn vị.

Bước 2. Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp đề nghị của các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở, xây dựng Đề án xét thăng hạng, xin chủ trương Ủy ban nhân dân tỉnh về chỉ tiêu thăng hạng.

Bước 3. Nội dung, hình thức xét thăng hạng

- Nội dung: Đánh giá việc đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP đối với viên chức dự xét thăng hạng (được sửa đổi bởi Khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP).

- Hình thức: Thẩm định hồ sơ

Bước 4. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường thành lập Hội đồng xét thăng hạng và tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp

Bước 5. Xác định viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng

- Giám đốc Sở công nhận kết quả trúng tuyển kỳ xét thăng hạng đối với Viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng.

Bước 6. Bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được danh sách viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường ra quyết định bổ nhiệm và xếp lương ở chức danh nghề nghiệp mới đối với viên chức trúng tuyển theo quy định.

b) Cách thức thực hiện:

Nộp trực tiếp tại Sở Tài nguyên và Môi trường.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

Hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp bao gồm:

- Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;

- Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định;

- Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

Trường hợp yêu cầu về ngoại ngữ ở hạng chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng không có sự thay đổi so với yêu cầu ở hạng chức danh nghề nghiệp đang giữ thì không phải nộp chứng chỉ ngoại ngữ.

Trường hợp có một trong các văn bằng, chứng chỉ quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định này thì được sử dụng thay thế chứng chỉ ngoại ngữ.

- Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

d) Thời gian giải quyết:

- Thời hạn nhận Phiếu đăng ký dự tuyển là 30 ngày kể từ ngày thông báo tuyển dụng công khai trên phương tiện thông tin đại chúng, trên Trang thông tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường

- Thành lập Ban kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển do Chủ tịch Hội đồng tuyển dụng quyết định chậm nhất sau 05 ngày làm việc kể từ ngày thành lập Hội đồng tuyển dụng.

- Trường hợp người dự tuyển không đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn dự tuyển thì chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển, Hội đồng tuyển dụng có trách nhiệm gửi thông báo bằng văn bản tới người đăng ký dự tuyển được biết theo địa chỉ mà người dự tuyển đã đăng ký.

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được danh sách viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường ra quyết định bổ nhiệm và xếp lương ở chức danh nghề nghiệp mới đối với viên chức trúng tuyển theo quy định.

d) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Viên chức trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường quản lý.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

Sở Tài nguyên và Môi trường.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Quyết định hành chính.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có):

Mẫu số 05, 06 ban hành kèm theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

Viên chức được đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp khi đảm bảo đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

- Đơn vị sự nghiệp công lập có nhu cầu;

- Hoàn thành tốt nhiệm vụ trong thời gian công tác 03 năm liên tục gần nhất; có phẩm chất và đạo đức nghề nghiệp; không trong thời gian thi hành kỷ

luật hoặc đã có thông báo về việc xem xét kỷ luật của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền;

- Có đủ trình độ đào tạo, bồi dưỡng và năng lực chuyên môn nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp ở hạng cao hơn hạng hiện giữ trong cùng ngành, lĩnh vực;

- Đáp ứng các yêu cầu khác của chức danh nghề nghiệp do Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

- Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức.

- Quyết định số 34/2024/QĐ-UBND ngày 09 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum, về việc ban hành Quy định phân cấp quản lý tổ chức bộ máy và cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

6. Thủ tục xét thăng hạng Đo đạc bản đồ viên hạng II.

a) Trình tự thực hiện:

1. Trình tự thực hiện

Bước 1. Đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường lập danh sách và hồ sơ viên chức có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện gửi đến Sở Tài nguyên và Môi trường kèm theo báo cáo danh mục vị trí việc làm và cơ cấu chức danh nghề nghiệp đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; báo cáo thực trạng chất lượng đội ngũ viên chức hiện có của đơn vị.

Bước 2. Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp đề nghị của các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở, xây dựng Đề án xét thăng hạng, xin chủ trương Ủy ban nhân dân tỉnh về chỉ tiêu thăng hạng.

Bước 3. Nội dung, hình thức xét thăng hạng

- Nội dung: Đánh giá việc đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP đối với viên chức dự xét thăng hạng (được sửa đổi bởi Khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP).

- Hình thức: Thẩm định hồ sơ

Bước 4. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường thành lập Hội đồng xét thăng hạng và tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp

Bước 5. Xác định viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng

- Giám đốc Sở công nhận kết quả trúng tuyển kỳ xét thăng hạng đối với Viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng.

Bước 6. Bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được danh sách viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường ra quyết định bổ nhiệm và xếp lương ở chức danh nghề nghiệp mới đối với viên chức trúng tuyển theo quy định.

b) Cách thức thực hiện:

Nộp trực tiếp tại Sở Tài nguyên và Môi trường.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

Hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp bao gồm:

- Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;

- Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định;

- Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

Trường hợp yêu cầu về ngoại ngữ ở hạng chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng không có sự thay đổi so với yêu cầu ở hạng chức danh nghề nghiệp đang giữ thì không phải nộp chứng chỉ ngoại ngữ.

Trường hợp có một trong các văn bằng, chứng chỉ quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định này thì được sử dụng thay thế chứng chỉ ngoại ngữ.

- Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

d) Thời gian giải quyết:

- Thời hạn nhận Phiếu đăng ký dự tuyển là 30 ngày kể từ ngày thông báo tuyển dụng công khai trên phương tiện thông tin đại chúng, trên Trang thông tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Thành lập Ban kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển do Chủ tịch Hội đồng tuyển dụng quyết định chậm nhất sau 05 ngày làm việc kể từ ngày thành lập Hội đồng tuyển dụng.

- Trường hợp người dự tuyển không đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn dự tuyển thì chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển, Hội đồng tuyển dụng có trách nhiệm gửi thông báo bằng văn bản tới người đăng ký dự tuyển được biết theo địa chỉ mà người dự tuyển đã đăng ký.

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được danh sách viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường ra quyết định bổ nhiệm và xếp lương ở chức danh nghề nghiệp mới đối với viên chức trúng tuyển theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Viên chức trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường quản lý.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

Sở Tài nguyên và Môi trường.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Quyết định hành chính.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có):

Mẫu số 05, 06 ban hành kèm theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

Viên chức được đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp khi đảm bảo đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

- Đơn vị sự nghiệp công lập có nhu cầu;
- Hoàn thành tốt nhiệm vụ trong thời gian công tác 03 năm liên tục gần nhất; có phẩm chất và đạo đức nghề nghiệp; không trong thời gian thi hành kỷ luật hoặc đã có thông báo về việc xem xét kỷ luật của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền;
- Có đủ trình độ đào tạo, bồi dưỡng và năng lực chuyên môn nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp ở hạng cao hơn hạng hiện giữ trong cùng ngành, lĩnh vực;
- Đáp ứng các yêu cầu khác của chức danh nghề nghiệp do Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

- Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức.

- Thông tư số 06/2024/TT-BTNMT ngày 28/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức các chuyên ngành tài nguyên và môi trường.

- Quyết định số 34/2024/QĐ-UBND ngày 09 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum, về việc ban hành Quy định phân cấp quản lý tổ chức bộ máy và cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Kon Tum./.